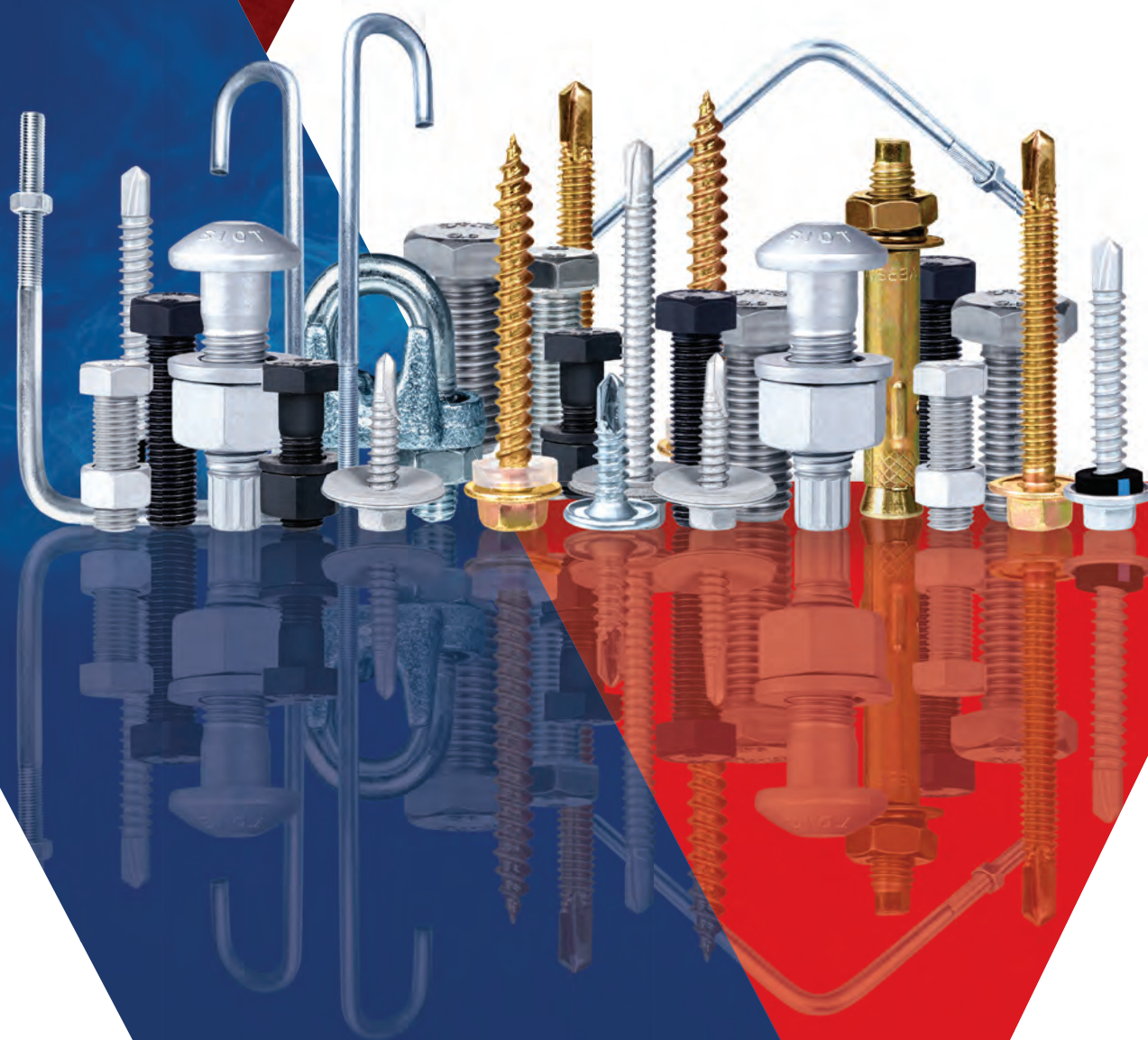




CTEG

NIỀM TIN KẾT NỐI BỀN VỮNG







NIỀM TIN KẾT NỐI BỀN VỮNG

*SUSTAINABLE
CONNECTION
BELIEF*



MỤC LỤC | INDEX

GỚI THIỆU <i>INTRODUCE</i>	06
TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI <i>VISION - MISSION - CORE VALUES</i>	08
GIẤY PHÉP KINH DOANH <i>BUSINESS LICENSE</i>	12
THÔNG TIN CÔNG TY <i>INFORMATION</i>	14
CỘT MỐC PHÁT TRIỂN <i>DEVELOPMENT MILESTONE</i>	18
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC <i>ORGANIZATIONAL CHART</i>	20



TRỤ SỞ & CƠ SỞ VẬT CHẤT / HEADQUARTERS & FACILITIES _____ 22

DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ KINH DOANH _____ 24
PRODUCTS AND BUSINESS SERVICES

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU / TYPICAL PROJECTS _____ 34

NĂNG LỰC KINH NGHIỆM / COMPETENCE AND EXPERIENCE _____ 36

ĐỐI TÁC & KHÁCH HÀNG / PARTNER AND CUSTOMERS _____ 38

LÝ DO CHỌN CƯỜNG THỊNH _____ 40
WHY SHOULD YOU CHOOSE CUONG THINH?

THÀNH LẬP | ESTABLISHED

Từ năm 2011, hơn 10 năm phát triển và trưởng thành, Công Ty CP Công Nghiệp và Thương Mại Cường Thịnh được biết đến là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng vật tư liên kết chất lượng cao trong ngành xây dựng và công nghiệp.

Since 2011, more than 10 years of development and maturity, Cuong Thinh Trading Industry Joint Stock Company has been recognized as a leading entity in the production and supply of high-quality connecting materials for the construction and industrial sectors.

ĐỘI NGŨ | TEAM

Công ty CP Công Nghiệp và Thương Mại Cường Thịnh tự hào sở hữu đội ngũ hơn 50 cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm cao. Cùng với hệ thống quản lý chất lượng nội bộ chặt chẽ, chúng tôi luôn phấn đấu phục vụ tốt nhất các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Hệ thống chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp của Cường Thịnh đảm bảo thực hiện tốt các trợ giúp kỹ thuật, cung cấp hàng hóa và các dịch vụ sau bán hàng. Nhờ vậy, hàng ngàn khách hàng đã tin tưởng và sử dụng dịch vụ của Cường Thịnh trong suốt thời gian qua.

The Company constantly works to best service the rising requirements with a staff of more than 50 competent, experienced, and highly responsible officers and employees, as well as a tight internal quality management system. Cuong Thinh Trading Industry Joint Stock Company has established a professional customer service system to assure excellent technical assistance, product supply, and after-sales services. Thousands of clients have trusted and utilized Cuong Thinh's services to date.

TRIỂN KHAI | IMPLEMENTED

Công Ty CP Công Nghiệp và Thương Mại Cường Thịnh đã triển khai sử dụng phần mềm ERP vào hoạt động quản trị về nguồn lực: sản xuất, kinh doanh, vật tư, tài chính kế toán, nhân sự, đảm bảo thông tin được theo dõi kịp thời, tối ưu hóa nguồn lực công ty, thực hiện các cam kết với khách hàng một cách nhất quán trong hệ thống Công ty.

Cuong Thinh Trading Industry Joint Stock Company has implemented ERP software in resource management operations, such as production, sales, materials, finance and accounting, human resources, and information tracking timely, optimize corporate resources, and meet promises with consumers consistently in the company system.

CÔNG TY CƯỜNG THỊNH | CUONG THINH

Hiện nay Công Ty CP Công Nghiệp và Thương Mại Cường Thịnh sở hữu nhà máy và kho chứa hàng với diện tích sử dụng đạt gần 10.000 m² phục vụ cho việc sản xuất, thử nghiệm và tồn kho sản phẩm đảm bảo cung ứng, đáp ứng nhanh yêu cầu của Khách hàng.

- Số lượng sản phẩm gia công từ 5.000 - 10.000 cây/ngày
- Số lượng sản xuất Vít trên 150 tấn/tháng.
- Trữ lượng tồn kho từ 700 – 1.000 tấn.

Cuong Thinh Trading Industry Joint Stock Company currently owns a plant and warehouse covering roughly 10,000 m² that is used for product manufacture, testing, and inventory to ensure supply and swift response to customer demands.

- Product quantity/day: 5,000 to 10,000 plants/day
- Over 150 tons of screws are produced each month.
- The inventories range between 700 and 1,000 tons.





TÂM NHÌN | VISION

Góp phần xây nên 1 thế giới An nhiên và Thịnh vượng với chuỗi Sản xuất – Cung ứng khép kín cho ngành vật tư liên kết toàn cầu.

Contributing to the creation of a peaceful and prosperous world through a closed production-supply chain for the globally interconnected materials industry.



SỨ MỆNH | MISSION

Giúp khách hàng có được lựa chọn tối ưu, an toàn, hiệu quả bằng cách Kết nối và xây dựng chuỗi sản xuất, cung ứng vật tư liên kết để cùng kiến tạo cuộc sống An Nhiên, Thịnh Vượng cho cộng đồng Cường Thịnh.

Assisting consumers in making the best, safest decisions possible by connecting and erecting a production chain and delivering necessary resources in order to jointly establish a prosperous life for the Cuong Thinh community.





1

Đối với khách hàng: Luôn nỗ lực cải tiến chuyên sâu đáp ứng nhu cầu đa dạng và đem lại hiệu quả cho khách hàng.

For customers: Continuously striving for in-depth improvements to meet diverse needs and deliver effective solutions.

2

Đối với đối tác kinh doanh: Luôn tôn trọng các mối liên kết lâu dài trên tinh thần hiểu biết, chia sẻ lẫn nhau để cùng đem lại lợi ích chung.

For business partners: Always appreciate long-term commercial relationships in the spirit of mutual understanding and mutual profit.

3

Đối với nhân viên: Nhân viên là tài sản quý giá của công ty. Các lợi ích đem đến cho mỗi nhân viên chính là động lực phát triển của chúng tôi.

For employees: Employees are a company's most precious asset. The advantages provided to each employee are the driving factor behind our growth.

4

Đối với cổ đông và nhà đầu tư: Luôn nỗ lực cải tiến chuyên sâu đáp ứng yêu cầu đa dạng và đem lại hiệu quả cho khách hàng.

For shareholders and investors: Always strive for continuous improvement in order to meet a variety of needs and provide efficiency to customers.

5

Đối với xã hội: Tích cực đóng góp vào sự phát triển của xã hội và tham gia bảo vệ.

For society: Actively contributing to social development and participating in its protection.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI | CORE VALUES

TẬN TÂM | CONSCIENTIOUS

Đội ngũ luôn cố gắng hết sức, làm hết trách nhiệm và hết khả năng để đạt được kết quả tốt đẹp nhất.

To produce the best results, the team consistently tries its hardest, performs its best, and does its best.

UY TÍN | REPUTATION

CTEG luôn chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm tới cùng với các cam kết đã xác nhận để xây dựng Niềm tin bền vững.

CTEG always implements and is accountable for its acknowledged commitments to develop Sustainable Trust.

CẢI TIẾN | IMPROVEMENT

CTEG không ngừng học hỏi, cải tiến chuyên sâu để mang đến những giải pháp tối ưu, hiệu quả nhất, “Cải tiến là động lực cho sự phát triển”.

"Innovation is the driving force for development," says CTEG, emphasizing a commitment to lifelong learning and improvement.

AN NHIÊN | EQUANIMITY

Đảm bảo Nhân viên, Khách hàng, Đối tác có được sự An toàn, An tâm, Thư thái, Không ưu phiền, luôn làm rõ kỳ vọng của đối phương và thực hiện đúng cam kết từ lần đầu.

Ensure that partners, customers, and employees are safe, worry-free, relaxed, and stress-free. Always be clear about what is expected from the other side.

THỊNH VƯỢNG | PROSPEROUS

Chúng ta giàu có với nhiều mối quan hệ tốt đẹp, dễ dàng cho đi và nhận lại. Chúng tôi có khả năng mang đến sự giàu có cho Đối tác, Khách hàng, Nhân viên và những người hợp tác thông qua các giá trị Chúng ta tạo ra.

We have a lot of good relationships that are easy to give and take. Through the values we produce, we have the capacity to bring prosperity to our partners, consumers, employees, and collaborators.





BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Số: 50010/QĐ-SHTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp nhận đơn hợp lệ
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 13.2 và điểm 13.6.b của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/07/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/07/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định hình thức đơn đăng ký nhãn hiệu:

Số đơn: 4-2021-19761

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp nhận đơn hợp lệ với những ghi nhận sau đây:

Ngày nộp đơn: 18/05/2021

Chủ đơn(*): Công ty cổ phần công nghiệp và thương mại Cường Thịnh (VN)

Địa chỉ: 383/23/14 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Nhãn hiệu: CTEG 8.8, hình

Nhóm hàng hóa/dịch vụ: 06

- Cục Sở hữu trí tuệ loại bỏ 01 cụm từ "vòng đai kim loại để kẹp ống dẫn" trong danh mục yêu cầu đăng ký do trùng lặp.

Điều 2. Công bố đơn trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này và thẩm định nội dung theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Người nộp đơn.

- Lưu: VT, HT.

CỤC TRƯỞNG



Đinh Hữu Phí

(*) Trong trường hợp đơn có nhiều chủ đơn, đây là chủ đơn thứ nhất ghi trong danh sách các chủ đơn.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0310895343

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 06 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 07 tháng 07 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ
THƯƠNG MẠI CUÔNG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CUONG THINH TRADING INDUSTRY
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CUONG THINH TRADINDUST JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

383/23/14 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 02837165288 - 0914117937

Fax:

Email: ntthuy5383@gmail.com

Website: cteg.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/03/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025769363

Ngày cấp: 20/08/2013

Nơi cấp: Công An TP.HCM

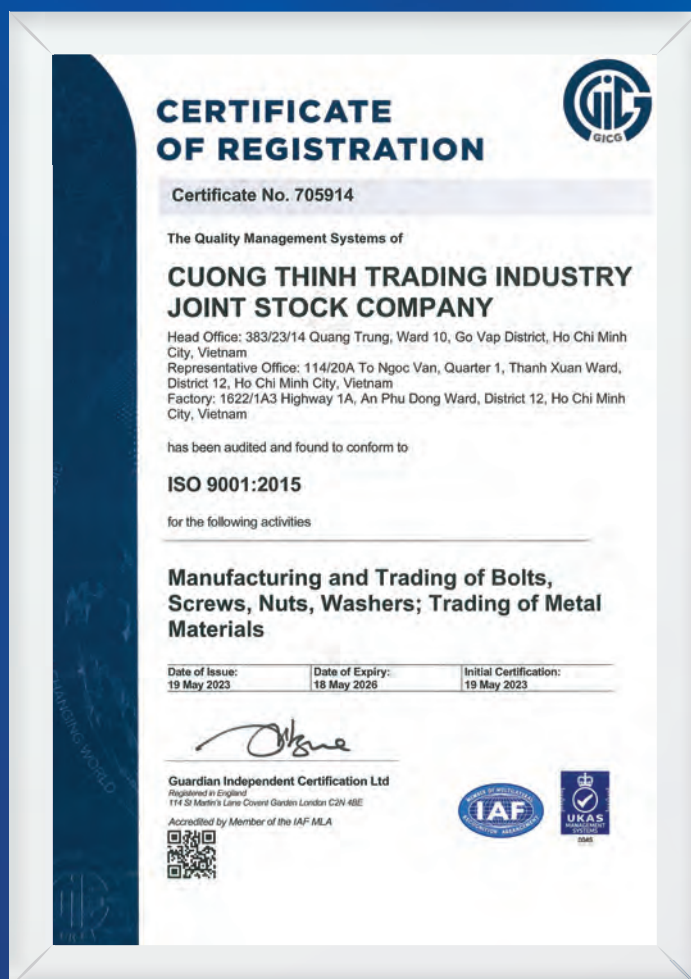
Địa chỉ thường trú: 321/10C Lê Đức Thọ, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 383/23/14 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam





CHỨNG CHỈ | CERTIFICATE





MẠNG LƯỚI KHÁCH HÀNG

CUSTOMERS' NETWORK

10

NĂM THÀNH LẬP
YEAR OF BUSINESS

1M

VỐN ĐIỀU LỆ
CHARTER CAPITAL

>10,000

SỐ LƯỢNG DỰ ÁN
HÀNG NĂM
ANNUAL PROJECTS
PER YEAR

~50

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN
TOTAL EMPLOYEES



◉ MẠNG LƯỚI QUỐC TẾ | WORLDWIDE NETWORK





Cambodia

Singapore

China

Korean

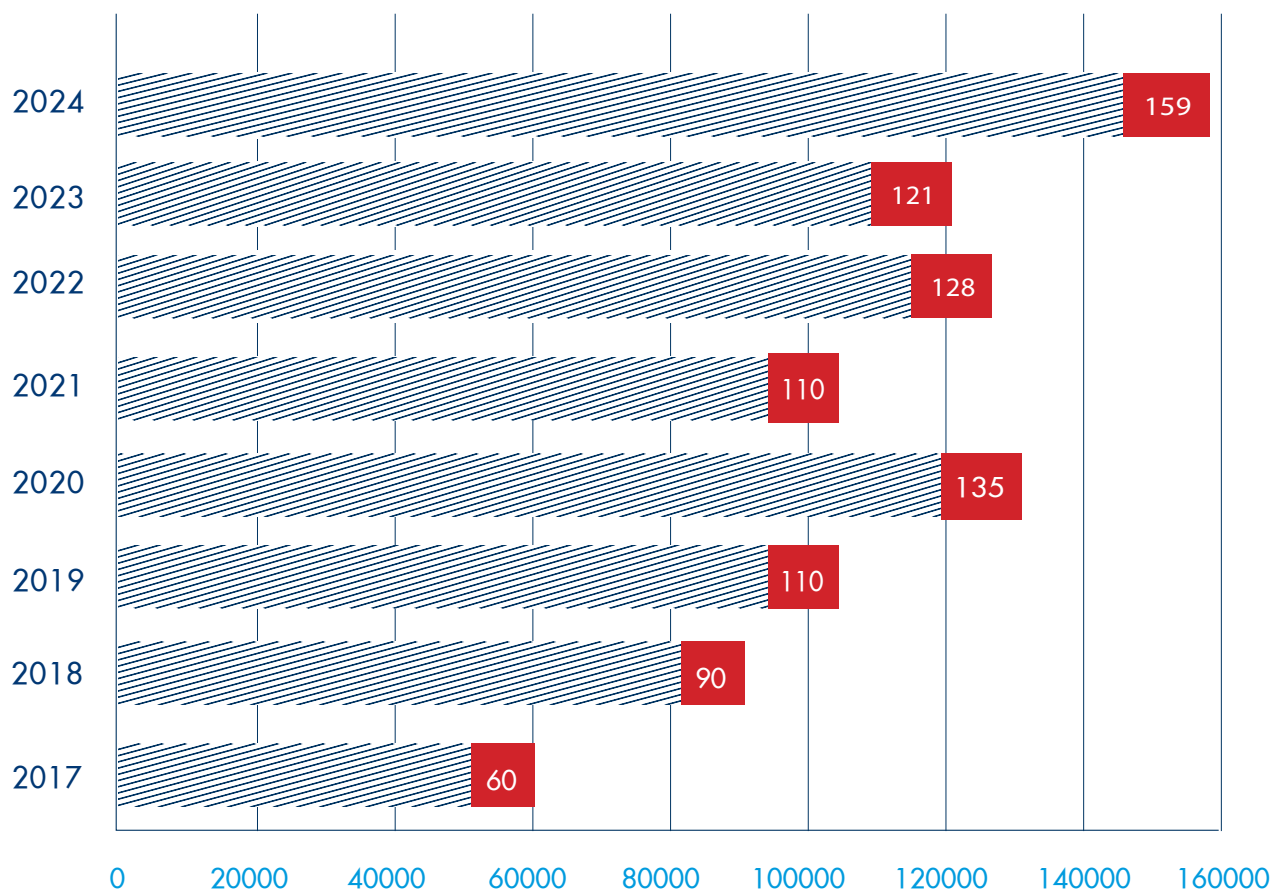
Philippine



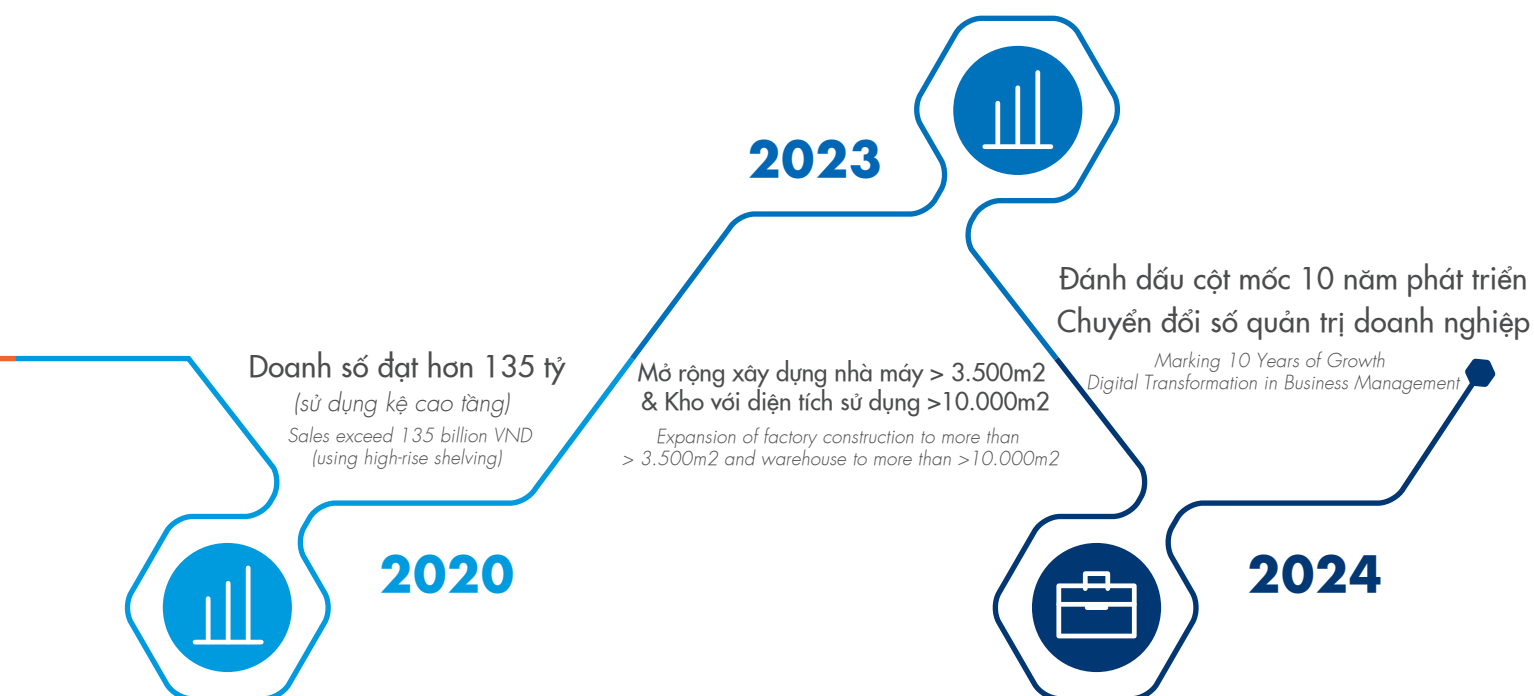
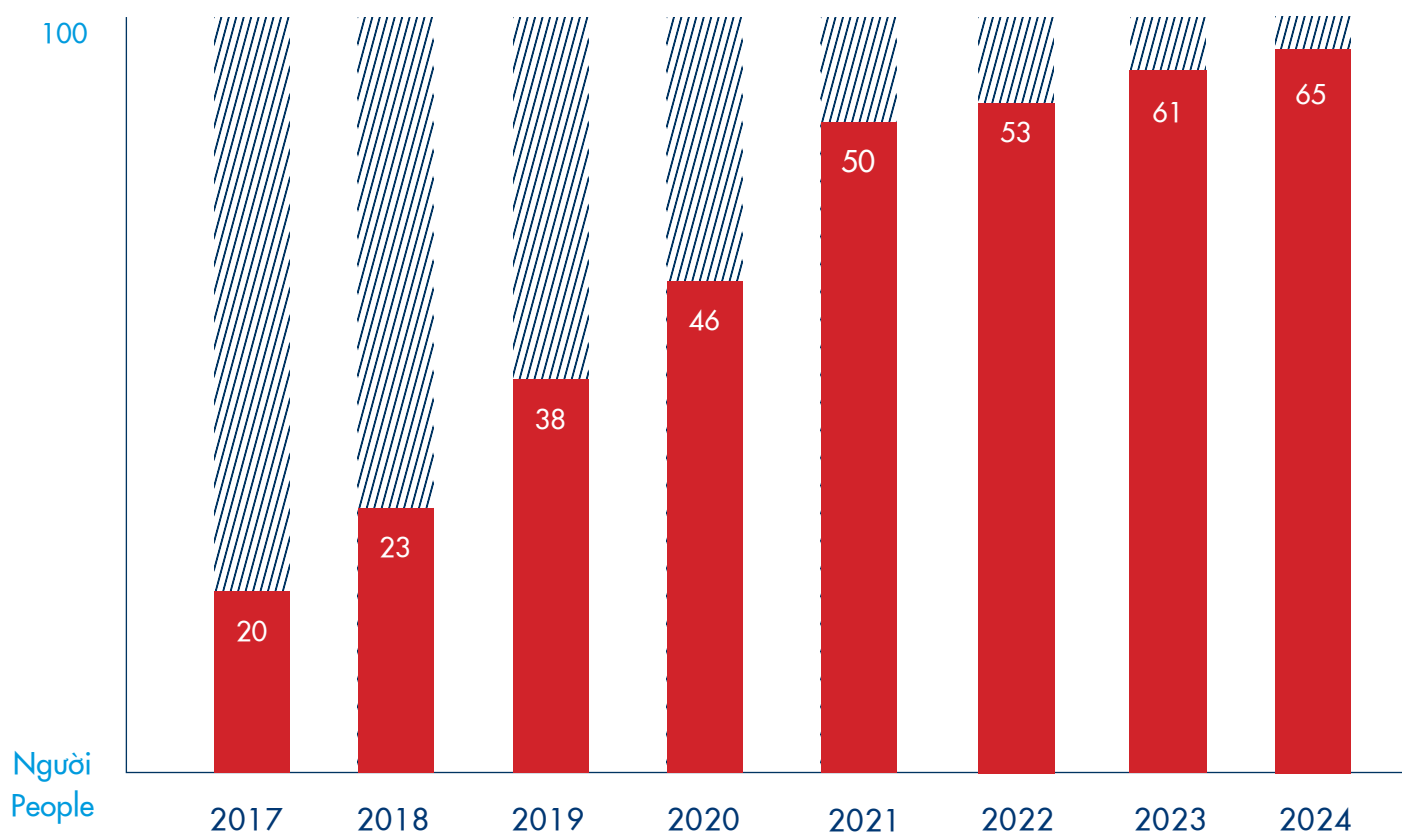
CÁC CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

MILESTONE IN DEVELOPMENT

DOANH THU (Tỷ) | REVENUE (Bil)

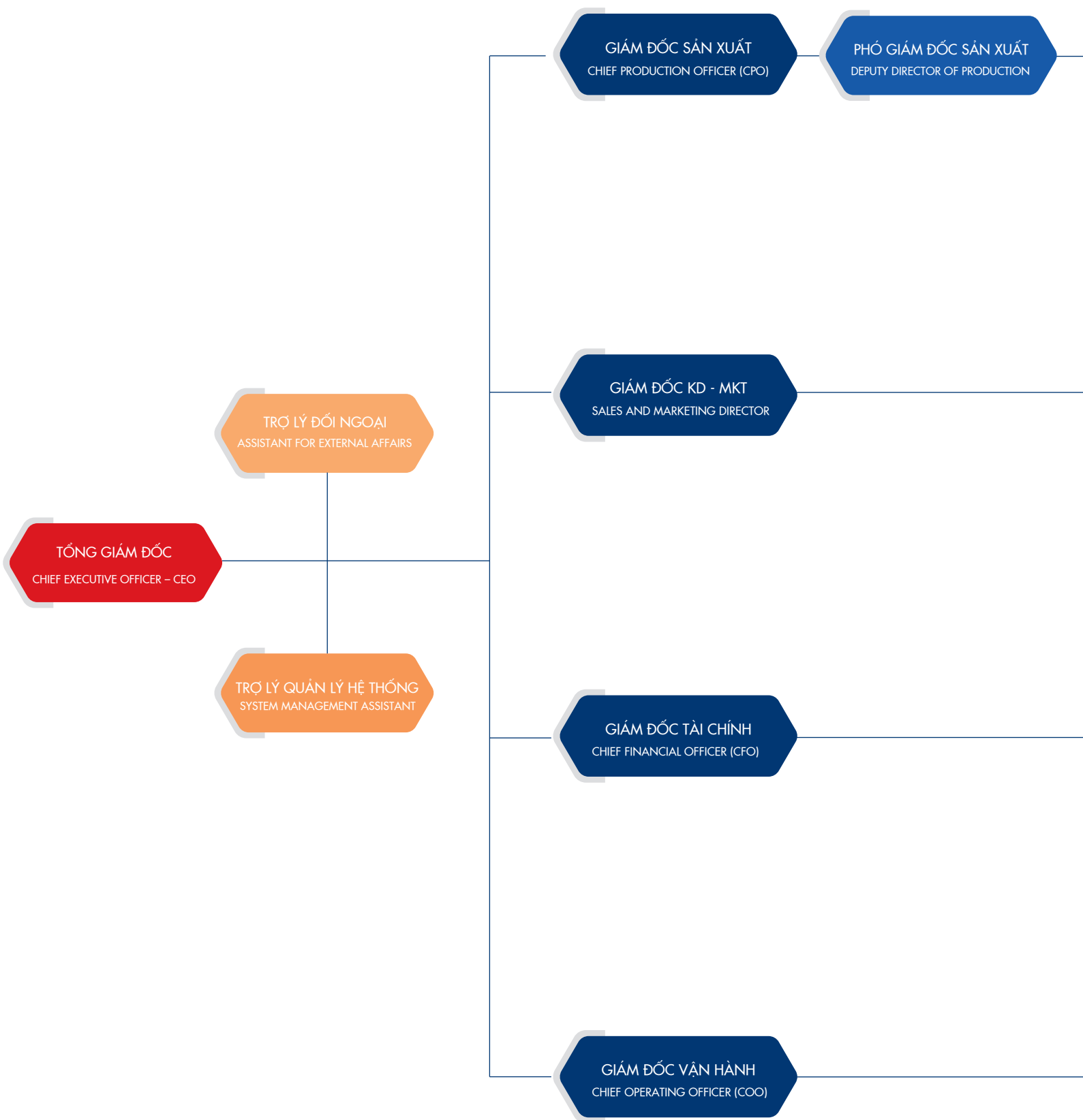


QUY MÔ NHÂN SỰ | BUSINESS SIZE





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC | ORGANIZATIONAL STRUCTURE







TRỤ SỞ & CƠ SỞ VẬT CHẤT

HEADQUARTERS & FACILITIES



VĂN PHÒNG OFFICE

NHÀ XƯỞNG - KHO

FACTORY – WAREHOUSE



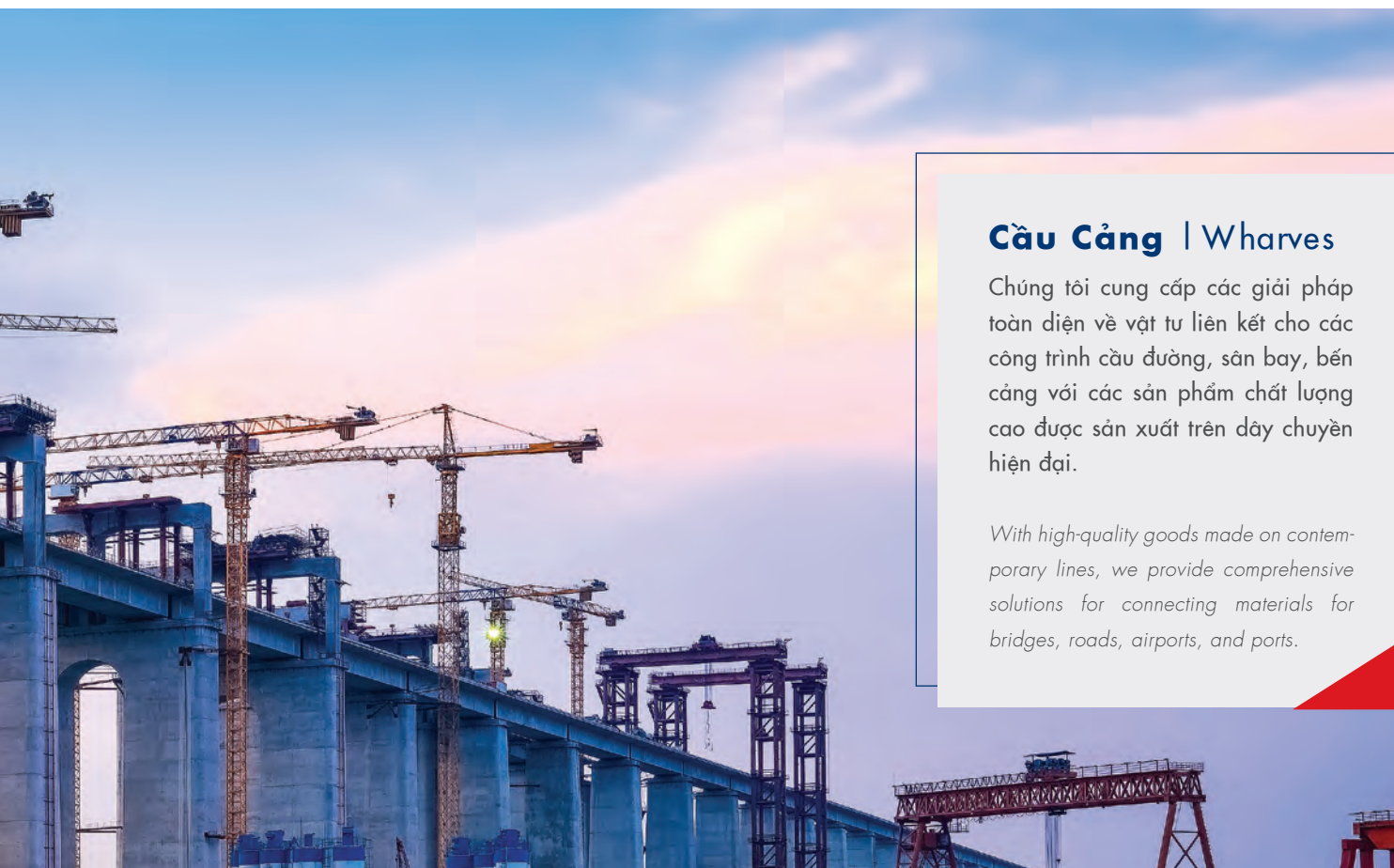


Nhà Máy | Factory

Chúng tôi cung cấp các giải pháp toàn diện về vật tư liên kết cho nhà máy từ nền móng, đến liên kết kết cầu dầm trụ, phụ kiện gia cố mái tôn, xà gồ.

We offer complete solutions for connecting manufacturing components, from the foundation to the structural connection of pillar beams, as well as accessories to support the corrugated iron roof and purlins.





Cầu Cảng | Wharves

Chúng tôi cung cấp các giải pháp toàn diện về vật tư liên kết cho các công trình cầu đường, sân bay, bến cảng với các sản phẩm chất lượng cao được sản xuất trên dây chuyền hiện đại.

With high-quality goods made on contemporary lines, we provide comprehensive solutions for connecting materials for bridges, roads, airports, and ports.

Năng Lượng | Energy

Chúng tôi cung cấp các giải pháp toàn diện về vật tư liên kết cho các công trình: năng lượng mặt trời, năng lượng gió và các công trình truyền tải điện năng.

We offer complete solutions for connecting materials for projects such as solar energy, wind energy, and power transmission.



VẬT TƯ LIÊN KẾT CHO CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI SOLAR ENERGY WORKS CONNECTIONS



VẬT TƯ LIÊN KẾT CHO CÔNG TRÌNH NHIỆT ĐIỆN SOLAR ENERGY WORKS CONNECTIONS





VẬT TƯ LẮP TRỤ ĐIỆN CHIẾU SÁNG
INSTALLATIONS OF ELECTRICAL LIGHTING POINTS



**VẬT TƯ LIÊN KẾT CHO
CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG ĐIỆN GIÓ**
MATERIALS FOR WIND ENERGY POWER
CONNECTION WORKS



VẬT TƯ LIÊN KẾT TRỤ ĐÈN GIAO THÔNG
CONNECTING MATERIALS FOR TRAFFIC LIGHT POLES



○ SẢN PHẨM BULONG LIÊN KẾT | CONNECTION BOLTS



BULONG KẾT CẤU CƯỜNG ĐỘ CAO HIGH TENSILE STRENGTH STRUCTURAL BOLT

Đường kính (Diameter): M12 - M36
Chiều dài (Length): 10mm - 300mm
Bề mặt (Surface finishing): Plain, Mạ Chrome
Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated)
Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized)
Mạ Kẽm Dacromet/Geomet
Tiêu chuẩn (Manufacturing standards):
ASTM F3125 A325M/A490M;
ISO 7412; GB/T 1228; EN 14399
Cấp bền (Grade): 8.8; 10.9 (ISO 898-1)



BULONG CƯỜNG ĐỘ THẤP LOW TENSILE STRENGTH BOLTS

Đường kính (Diameter): M5 - M36
Chiều dài (Length): 10mm - 300mm
Loại ren (Type): Ren Lững/ Ren Suốt
Bề mặt (Surface finishing): Plain/Black, Mạ Điện
(Electro - Zinc - Plated), Mạ Nhúng Nóng (Hot -
Dip Galvanized)
Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): DIN
931/933; ISO 4014/4017; ASTM A307
Cấp bền (Grade): 3.6; 4.6; 5.6; 6.6 (ISO 898-1)



BULONG CƯỜNG ĐỘ CAO HIGH TENSILE STRENGTH BOLTS

Đường kính (Diameter): M5 - M36
Chiều dài (Length): 10mm - 300mm
Loại ren (Type): Ren Lững/ Ren Suốt
Bề mặt (Surface finishing): Plain/Black, Mạ
Chrome,
Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated),
Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized),
Mạ Kẽm Dacromet/Geomet
Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): DIN
931/933; ISO 4014/4017; BS 4190
Cấp bền (Grade): 8.8; 9.8; 10.9; 12.9 (ISO
898-1)



BULONG TIÊU CHUẨN EN EN STANDARD BOLTS

BS EN 14399 -3
Size: M12- M36, Cấp bền (Grade) 8.8; 10.9
BS EN 14399 -4
Size: M12- M72, Cấp bền (Grade) 8.8; 10.9
EN 15048 -1, -2
Size: M12- M48, Cấp bền (Grade) 8.8; 10.9
Chiều dài (Length): 50mm – 300mm
Bề mặt (Surface finishing): Plain/Black; Mạ Điện
(Electro - zinc - Plated); Mạ nhúng nóng (Hot -
Dip Galvanized), Mạ Kẽm Geomet/Dacromet
Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): BS EN
14399; EN 15048-1/2



BULONG TỰ ĐỨT S10T

TENSION CONTROL BOLTS

Đường kính (Diameter): M16 - M30

Chiều dài (Length): 40mm - 220mm

Bề mặt (Surface finishing): Plain, Mạ Kẽm Dacromet/Geomet

Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): JIS-II-09;

EN 14399; KS B2819; GB/T 3632

Cấp bền (Grade): 8.8; 10.9 (ISO 898-1)



BULONG CƯỜNG ĐỘ CAO F8T; F10T

F8T; F10T HIGH TENSILE STRENGTH BOLTS

Đường kính (Diameter): M12 - M30

Chiều dài (Length): 40mm - 220mm

Bề mặt (Surface finishing): Plain/Black, Mạ Kẽm Dacromet/Geomet

Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): JIS B1186

Cấp bền (Grade): 8.8; 10.9 (ISO 898-1)

◉ SẢN PHẨM BULONG NEO | ANCHOR BOLTS



BULONG NEO L

L-TYPE ANCHOR BOLTS

Đường kính (Diameter): M10 - M64

Chiều dài (Length): 300mm - 6000mm

Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel); INOX (Stainless Steel) SS304; SS316

Loại ren (Type): Một Đầu Ren (1 threaded length head)

Bề mặt (Surface finishing): Bare Plain,

Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated),

Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized),

INOX: SS304; SS316

Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): JIS B1178;

GB/T 799; ASTM F1554; TCVN 1916:1995; BS

7419

Cấp bền (Grade): 3.6; 4.6; 5.6; 6.6; 8.8



BULONG NEO I

I-TYPE ANCHOR BOLTS

Đường kính (Diameter): M10 - M64

Chiều dài (Length): 300mm - 6000mm

Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel); Thép Hợp Kim (Alloy Steel);

INOX (Stainless Steel) SS304; SS316

Loại ren (Type): Một Đầu Ren/Hai Đầu Ren (1 & 2 threaded length head)

Bề mặt (Surface finishing): Plain, Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated),

Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized), INOX: SS304; SS316

Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): JIS B1178; GB/T

799; ASTM F1554; TCVN 1916:1995; BS 7419

Cấp bền (Grade): 3.6; 4.6; 5.6; 6.6; 8.8

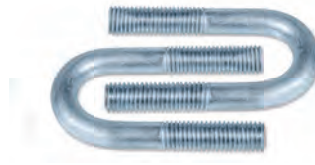
(ISO 898-1/TCVN 1916:1995)



BULONG NEO J

J-TYPE ANCHOR BOLTS

Đường kính (Diameter): M10 - M64
 Chiều dài (Length): 300mm - 6000mm
 Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel);
 Thép Hợp Kim (Alloy Steel);
 INOX (Stainless Steel) SS304; SS316
 Loại ren: Một Đầu Ren (1 threaded length head)
 Bề mặt (Surface finishing): Plain, Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated), Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized), INOX: SS304; SS316
 Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): JIS B1178; GB/T 799; ASTM F1554; TCVN 1916:1995; BS 7419:2012
 Cấp bền (Grade): 3.6; 4.6; 5.6; 6.6; 8.8 (ISO 898-1/TCVN 1916:1995)



BULONG NEO U

U-TYPE ANCHOR BOLTS

Đường kính (Diameter): M10 - M64
 Chiều dài (Length): 300mm - 6000mm
 Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel); INOX (Stainless Steel) SS304; SS316
 Loại ren: Hai Đầu Ren (2 threaded length head)
 Bề mặt (Surface finishing): Bare Plain, Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated), Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized), INOX: SS304; SS316
 Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): JIS B1178; GB/T 799; ASTM F1554; TCVN 1916:1995; BS 7419:2012
 Cấp bền (Grade): 3.6; 4.6; 5.6; 6.6; 8.8 (ISO 898-1/TCVN 1916:1995)

TYREN / GUZONG



GUZONG

Đường kính (Diameter): M10 - M64
 Chiều dài (Length): 300mm - 6000mm
 Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel); INOX (Stainless Steel) SS304; SS316
 Loại ren (Type): Ren Suốt/ Ren Hai Đầu (Full/2 threaded length head)
 Bề mặt (Surface finishing): Plain, Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated), Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized), INOX: SS304; SS316
 Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): DIN 976-1; GB/T 899; TCVN 1916:1995
 Cấp bền (Grade): 3.6; 4.6; 5.6; 6.6; 8.8 (ISO 898-1/TCVN 1916:1995)



TYREN / TY GIẢNG XÀ GỖ/ NỐI TY

THREADED RODS

Đường kính (Diameter): M10 - M64
 Chiều dài (Length): 300mm - 6000mm
 Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel); INOX (Stainless Steel) SS304; SS316
 Loại ren (Type): Ren Suốt/ Ren Hai Đầu (Full/2 threaded length head)
 Bề mặt (Surface finishing): Plain, Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated), Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized), INOX: SS304; SS316
 Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): DIN 976-1; GB/T 899; TCVN 1916:1995
 Cấp bền (Grade): 3.6; 4.6; 5.6; 6.6; 8.8 (ISO 898-1/TCVN 1916:1995)

◉ SẢN PHẨM CÁP TREO | WIRE ROPE



CÁP CẦU LỖ ĐAY

UNGALVANIZED STEEL
WIRE ROPE

Đường kính (Diameter): M6 - M70

Lõi Cáp (Core): FC; IWRC

Vật Liệu (Material): Thép; INOX (Steel;
Stainless steel)

Tải Trọng (Weight): 1.85 - 350 Tấn (Tons)

Tiêu Chuẩn (Manufacturing standards): BS,
DIN, ISO, JIS



CÁP INOX

STAINLESS STEEL WIRE ROPE

Đường kính (Diameter): M6 - M70

Lõi Cáp (Core): FC; IWRC

Vật Liệu (Material): INOX (Stainless steel) SS201;
SS304; SS316

Tải Trọng (Weight): 1.85 - 350 Tấn (Tons)

Tiêu Chuẩn (Manufacturing standards): BS, DIN, ISO,
JIS



ỐC SIẾT CÁP

WIRE ROPE CLIPS

Đường kính (Diameter): M6 - M20

Vật Liệu (Material): Thép (Steel);

INOX (Stainless Steel) SS304; SS316;

Bề Mặt (Surface finishing): Mạ Điện (Electro -
Zinc - Plated),



CÁP THÉP BỌC NHỰA

PLASTOC COATED CABLES

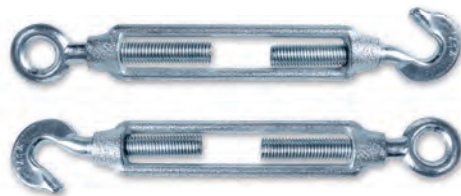
Đường kính (Diameter): M6 - M70

Lõi Cáp (Core): FC; IWRC

Vật Liệu (Material): Thép; INOX (Steel;
Stainless steel)

Tải Trọng (Weight): 1.85 - 350 Tấn (Tons)

Tiêu Chuẩn (Manufacturing standards): BS, DIN,
ISO, JIS



TĂNG ĐỠ THÉP

TURNBUCKLE

Đường kính (Diameter): M6 - M20

Vật Liệu (Material): Thép (Steel); INOX (Stainless
Steel) SS304; SS316; GANG (Cast Iron)

Bề Mặt (Surface finishing): Mạ Điện (Electro - Zinc -
Plated),



ĐINH HÀN

WELDING STUD

SIZE: M10 - M25

Chiều dài (Length): 50mm - 300 mm

Tiêu chuẩn (Standard): ISO 13918,
GB/T10433; JIS B1198

Cấp bền (Grade): 4.6, 4.8, 5.6

◉ SẢN PHẨM VÍT | SCREW



VÍT BẮN TÔN GỖ

WOOD SCREW

Chiều dài (Length): 25mm, 30mm, 40mm, 50mm, 60mm, 70mm, 100mm, 120mm
Đường kính (Diameter): Theo yêu cầu (based on the customer's request)
Độ cứng (Stiffness): $\geq 600/400$ HV
Bề mặt (Surface finishing): INOX (Stainless Steel), Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated), Mạ Dacromet, Xi 7 Màu (Plating Seven) Cr6+, Xi Cr 3+



VÍT TOLE

CHIPBOARD SCREW

Chiều dài (Length): 25mm, 30mm, 40mm, 50mm, 60mm, 70mm, 100mm, 120mm
Đường kính (Diameter): Theo yêu cầu (based on the customer's request)
Độ cứng (Stiffness): $\geq 600/400$ HV
Bề mặt (Surface finishing): INOX (Stainless Steel), Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated), Mạ Dacromet, Xi 7 Màu (Plating Seven) Cr6+, Xi Cr 3+



VÍT ĐUÔI CÁ ĐÀU DÙ

WAFER HEAD SELF - DRILLING SCREWS

Chiều dài (Length): 25mm, 30mm, 40mm, 50mm, 60mm, 70mm, 100mm, 120mm
Đường kính (Diameter): Theo yêu cầu (based on the customer's request)
Độ cứng (Stiffness): $\geq 600/400$ HV
Bề mặt (Surface finishing): INOX (Stainless Steel), Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated), Mạ Dacromet, Xi 7 Màu (Plating Seven) Cr6+, Xi Cr 3+



VÍT TOLE MẠ KẼM

GALVANIZED SCREWS

Chiều dài (Length): 25mm, 30mm, 40mm, 50mm, 60mm, 70mm, 100mm, 120mm
Đường kính (Diameter): Theo yêu cầu (based on the customer's request)
Độ cứng (Stiffness): $\geq 600/400$ HV
Bề mặt (Surface finishing): INOX (Stainless Steel), Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated), Mạ Dacromet, Xi 7 Màu (Plating Seven) Cr6+, Xi Cr 3+

◉ VẬT TƯ NGÀNH CƠ ĐIỆN



TẮC KÊ ĐẠN

DROP IN ANCHOR

Bề Mặt (Surface finishing): Inox (Stainless Steel), Xi trắng xanh (White and Blue), Xi 7 màu (Plating Seven Colors)



TẮC KÊ NỖ ỐNG LỖ

EXPANSION ANCHOR BOLT

Bề Mặt (Surface finishing): Xi 7 màu (Plating Seven Colors)



CÙM OMEGA

U-STRAP CLAMP

Bề Mặt (Surface finishing): Xi 7 màu (Plating Seven Colors)

◉ SẢN PHẨM ĐAI ỐC | NUT



ĐAI ỐC (NUT) CƯỜNG ĐỘ THẤP

LOW TENSILE STRENGTH NUT

Đường kính (Diameter): M10 - M64

Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel); INOX (Stainless Steel) SS304; SS316

Bề mặt (Surface finishing): Plain/Black,

Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated),

Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized),

INOX: SS304; SS316

Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): DIN 934; ISO 4032; GB/T 6170; BS 4190

Cấp bền (Grade): 4; 5; 6 (ISO 898-2)



ĐAI ỐC (NUT) CƯỜNG ĐỘ CAO

HIGH TENSILE STRENGTH NUT

Đường kính (Diameter): M10 - M64

Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel); Thép Hợp Kim (Alloy Steel)

Bề mặt (Surface finishing): Plain/Black,

Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated),

Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized),

Mạ Kẽm Vảy Dacromet/Geomet

Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): DIN 934; ISO 4032; GB/T 6170; BS 4190

Cấp bền (Grade): 8; 9; 10; 12 (ISO 898-2)



ĐAI ỐC (NUT) KẾT CẤU

STRUCTURAL NUT

Đường kính (Diameter): M12 - M36

Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel); Thép Hợp Kim (Alloy Steel)

Bề mặt (Surface finishing): Plain/Black,

Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated),

Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized),

Mạ Kẽm Vảy Dacromet/Geomet

Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): ATSM A563M; ISO 4032

Cấp bền (Grade): 8; 9; 10; 12 (ISO 898-2)



LONG ĐÈN

WASHER

Đường kính (Diameter): M5 - M36

Vật Liệu (Material): Thép Cacbon (Carbon Steel); Thép Hợp Kim (Alloy Steel)

Bề mặt (Surface finishing): Plain/Black,

Mạ Điện (Electro - Zinc - Plated),

Mạ Nhúng Nóng (Hot - Dip Galvanized),

Mạ Kẽm Vảy Dacromet/Geomet

Tiêu chuẩn (Manufacturing standards): DIN 125/126; ISO 7089;

ASTM F436M; ISO 7091

Độ Cứng (Grade): 100/200/300 HV



CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU | TYPICAL PROJECTS



1



2

1. Nhà Máy Deayong - Vũng Tàu
Deayong Factory - Vung Tau
2. Năng Lượng Mặt Trời - Bạc Liêu
Solar Energy - Bac Lieu
3. Nhà Máy Novas - Vũng Tàu
Novas Factory - Vung Tau
4. Nhà Máy Gạo Hạnh Phúc - An Giang
Hanh Phuc Rice Factory - An Giang
5. Nhà Máy Bw - Bình Dương
Bw Factory - Binh Duong
6. Căn Hộ Skyhome - Tp Hồ Chí Minh
Skyhome Apartment - Ho Chi Minh City
7. Nhà Máy Hansoi Electronic - Đồng Nai
Hansoi Electronic Factory - Dong Nai
8. Nhà Máy Hangnam Vina - Đồng Nai
Hangnam Vina Factory - Dong Nai
9. Nhà Máy Moorim Vina - Vũng Tàu
Moorim Vina Factory - Vung Tau
10. Nhà Máy Dongyang E&P Vina - HCM
Dongyang E&P Vina Factory - HCM
11. Nhà Máy Fursys - Đồng Nai
Fursys Factory - Dong Nai



3



4



5



6



7



8



9



10



11



NĂNG LỰC SẢN XUẤT | CAPACITY FOR PRODUCTION

Công ty TNHH SX Vật Tư Liên Kết Việt được lắp đặt nhiều thiết bị tự động hiện đại, dây chuyền sản xuất cùng đội ngũ công nhân lành nghề, gắn bó với công ty. Ngay tại nhà máy, chúng tôi có đội ngũ kỹ sư nghiên cứu thiết kế các sản phẩm cơ khí, phục vụ cho ngành phụ trợ kết cấu thép, đáp ứng các yêu cầu khác biệt của khách hàng và tiến độ gấp.

LKV Equipment Trading Production Co., Ltd., which is equipped with many modern automatic machines, many production lines, and a team of skilled workers who are very attached to the company. At this factory, we have a team of engineers who research and design mechanical products for the steel structure auxiliary industry in order to meet the various customer requirements and urgent progress.





NĂNG LỰC CUNG ỨNG HÀNG HÓA PROVIDER CAPACITY

Công ty Cường Thịnh với kho chứa hàng, trữ lượng hàng ngàn tấn vật tư liên kết đảm bảo cung ứng liên tục, không gián đoạn cho khách hàng. Ngoài ra Bộ phận vật tư hàng hóa thường xuyên tìm nguồn hàng, Nhà cung cấp trong nước lẫn ngoài nước để có chất lượng ổn định, tiến độ cung ứng nhanh, điều kiện bảo hành tốt nhất cho khách hàng. Với các điều kiện trên có thể thấy Năng lực cung ứng hàng hóa là điểm mạnh của Cường Thịnh, và công ty luôn hướng tới việc đem đến giá trị tốt nhất cho khách hàng thông qua việc ổn định nguồn hàng, chất lượng tốt, giá cạnh tranh.

To ensure constant and uninterrupted supply for customers, Cuong Thinh Company constructs warehouses with a reserve of thousands of tons of related materials. In addition, the Material and Commodity Department routinely identifies sources of goods, and suppliers in domestic and foreign countries to have stable quality, a quick supply schedule, and the best warranty conditions for customers. With the aforementioned circumstances, it is clear that Cuong Thinh Company's strength lies in its ability to supply goods, and the business consistently strives to provide customers with the best value through reliable sources of goods that are high - quality and reasonably priced.





ĐỐI TÁC & KHÁCH HÀNG

PARTNER & CUSTOMERS







LÝ DO CHỌN
CƯỜNG THỊNH
WHY SHOULD YOU CHOOSE
CUONG THINH





Chất lượng sản phẩm cam kết đúng chuẩn.
The standard is committed to product quality.



Đơn vị chuyên sản xuất sản lượng lớn, đáp ứng nhu cầu đa dạng, tiến độ nhanh cho khách hàng.
The department focuses on high - volume production to satisfy a variety of customer demands and move projects along quickly.



Tiết kiệm tài chính cho khách hàng bằng dịch vụ đúng ngay từ đầu.
Savings for customers who receive the proper service right away.



Không chỉ giúp khách hàng có lựa chọn phù hợp, tối ưu về kinh tế mà còn giúp Nâng tầm Thương Hiệu.
Along with assisting clients in selecting the economically sensible option, you can also help elevate the brand.



Hệ thống quản lý chất lượng chặt chẽ, kết nối hệ thống liên mạch, đảm bảo quản lý chất lượng ổn định.
Stable quality management is guaranteed by a strict quality management system and seamless system connectivity.



CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI
CƯỜNG THỊNH
CUONG THINH
TRADING INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP
VÀ THƯƠNG MẠI **CƯỜNG THỊNH**
CUONG THINH TRADING INDUSTRY
JOINT STOCK COMPANY

Trụ Sở Chính: 114/20A Tô Ngọc Vân, Phường Thới An, TPHCM

Head Office: 114/20A Tô Ngọc Vân Street, Thoi An Ward, Ho Chi Minh City

Kho: 292/5B Phạm Thị Giây, Xã Đông Thạnh, TP. HCM

Warehouse: 292/5B Phạm Thị Giây Street, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City

Xưởng sản xuất: Lô LF3-LF4, Đường số 1, KCN Xuyên Á, xã Đức Lập, Tây Ninh

Factory: Lot LF3-LF4, Road No.1, Xuyen A Industrial Park, Duc Lap Commune, Tay Ninh Province

Điện thoại | Phone: 0914 117 937 / **Fax:** 0310 895 343

Email: Bulongcteg@cteg.vn